**Trường THCS Bình An**

**GV: Trần Thị Thanh Hiền**

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC.**

**( từ ngày 20/9 đến 27/9)**

**KHỐI 6.**

Tuần 3 + Tuần 4+ Tuần 5

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 2: Yêu Thương Con Người** | |
| Hoạt động 1: Khởi động | HS quan sát 2 hình ảnh trong sgk  Tìm câu ca dao tục ngữ |
| Hoạt động 2: Khám phá | HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.   1. Hình ảnh nào thể hiện tình yêu thương con người và trái với tình yêu thương con người? 2. Em có suy nghĩ gì về những việc làm được đề cập trong các hình ảnh đó.   HS rút ra khái niệm yêu thương con người, biểu hiện và ý nghĩa của yêu thương con người.   1. Khám phá 2. **Yêu thương con người là gì?**  * Là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người có hoàn cảnh khó khăn  1. **Biểu hiện:**  * Quan tâm, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ, hi sinh vì người khác.  1. **Ý nghĩa:**  * Truyền thống quý báu của dân tộc. * Chúng ta cần giữ gìn và phát huy. |
| Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng | Giải quyết xử lí các tình huống trong sgk trang 10.  Thực hiện hành động yêu thương. |

**Lưu ý:**

Học sinh có câu hỏi thắc mắc khi thực hiện các nhiệm vụ học tập gởi cho GVCN để chuyển cho GVBM hỗ trợ HS theo mẫ sau:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| GDCD | Mục A: ….  Phần B: …. | 1.  2.  3. |

**KHỐI 7.**

**Tuần 3+ Tuần 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 3: Tự Trọng** | |
| Hoạt động 1: Khai thác truyện đọc | 1. Truyện đọc   Hs tự khai thác truyện đọc |
| Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung bài học. | 1. **Nội dung bài học:**   Cho hs xử lý tình huống để hiểu thế nào là lòng tự trọng  Và ý nghĩa của lòng tự trọng trong cuộc sống.   1. **Tự trọng là gì?**  * Là biết coi trọng và giữ gìn phẩm cách, biết điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực xã hội.  1. **Biểu hiện:**  * Cư xử đàng hoàng, đúng mực. * Biết giữ lời hứa, luôn làm tròn nhiệm vụ của mình. * Không để người khác chê trách, nhắc nhở.  1. **Ý nghĩa:**   Là phẩm chất đạo đức cao quý và cần thiết của mỗi người   * Giúp ta có nghị lực vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. * Nâng cao phẩm giá và uy tín của mỗi cá nhân. * Nhận được sự kính trọng của mọi người xung quanh. |
| Hoạt động 3: Luyện tập | 1. **Bài tập**   Học sinh làm bài tập a,b,c trong sgk. |

**Lưu ý:**

Học sinh có câu hỏi thắc mắc khi thực hiện các nhiệm vụ học tập gởi cho GVCN để chuyển cho GVBM hỗ trợ HS theo mẫ sau:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| GDCD | Mục A: ….  Phần B: …. | 1.  2.  3. |

Tuần 4

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 11: Tự Tin** | |
| Hoạt động 1: Tìm hiểu truyện đọc | Hs tự khai thác truyện đọc |
| Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung bài học | 1. **Nội dung bài học:**   Đưa tình huống để học sinh hiểu được thế nào là tự tin, biểu hiện của sự tự tin, ý nghĩa và cách rèn luyện sự tự tin.  1**.Tự tin là gì?**  Là tin tưởng vào khả năng của bản thân.  2.**Biểu hiện:**  - chủ động trong mọi việc, dám tự quyết định và hành động một cách chắc chăn, không hoang mang, dao động.  - tự tin bằng cương quyết, dám nghĩ, dám làm.  3. **Ý nghĩa:**  - giúp ta có thêm nghị lực ,sức mạnh, sáng tạo vượt qua khó khăn.  4. **Rèn luyện:**  - chủ động tự giác trong học tập,tham gia các hoạt động.  - Cần khắc phục tính tự ti, rụt rè, nhút nhát, ba phải, dựa dẫm. |
| Hoạt động 3; Luyện tập | 1. Bài tập   Học sinh làm bài tập b,c,d trong sgk/34. |

**Lưu ý:**

Học sinh có câu hỏi thắc mắc khi thực hiện các nhiệm vụ học tập gởi cho GVCN để chuyển cho GVBM hỗ trợ HS theo mẫ sau:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| GDCD | Mục A: ….  Phần B: …. | 1.  2.  3. |

**KHỐI 8**

**Tuần 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 4: Giữ Chữ Tín** | |
| Hoạt động 1: Đặt vấn đề | Học sinh tự khai thác |
| Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung bài học | II. **Nội dung bài học:**  Cho hs xử lí các tình huống trong sgk để rút ra khái niệm, ý nghĩa và cách rèn luyện của việc giữ chữ tín.  1.**Giữ chữ tín.**  - Coi trọng lòng tin , trọng lời hứa và biết tin tưởng lẫn nhau.  **2- ý nghĩa của việc giữ chữ tín.**  - Được mọi người tin cậy, tín nhiệm , tin yêu . Giúp mọi người đoàn kết và dễ dàng hợp tác với nhau.  **3- Cách rèn luyện .**  - Làm tốt nghĩa vụ của mình  - Hòan thành nhiệm vụ  - Giữ lời hứa, đúng hẹn  - Giữ lòng tin |
| Hoạt động 3: Luyện tập | III.Bài tập:  hs làm bài 1,2,3 sgk/ 13 |

**Lưu ý:**

Học sinh có câu hỏi thắc mắc khi thực hiện các nhiệm vụ học tập gởi cho GVCN để chuyển cho GVBM hỗ trợ HS theo mẫ sau:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| GDCD | Mục A: ….  Phần B: …. | 1.  2.  3. |

**Tuần 4. ( 27/9 )**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 6: Xây dựng tình bạn trong sáng lành mạnh.** | |
| Hoạt động 1: đặt vấn đề | 1. **Đặt vấn đề:**   Hs tự tìm hiểu |
| Hoạt động 2: tìm hiểu nội dung bài học | 1. **Nội dung bài học:**   Hs xem các tình huống trong sgk để tìm hiểu thế nào là tình bạn, biểu hiện của tình bạn trong sáng, phân biệt được đâu là tình bạn và đâu là tình yêu. Hs rút ra ý nghĩa của tình bạn.  1. **Tình bạn** là tình cảm gắn bó giữa hai hoặc nhiều người trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, hợp nhau về sở thích , cá tính , mục đích ,lý tưởng .  **2- Đặc điểm của tình bạn .**  - Thông cảm và chia sẻ  - Tôn trọng , tin cậy và chân thành  - Quan tâm, giúp đỡ nhau  - Trung thực , nhân ái, vị tha  \* Có tình bạn của hai người khác giới vì tình bạn của họ được xây dựng dựa trên cơ sở đạo đức của tình bạn trong sáng và lành mạnh.  **3- ý nghĩa của tình bạn trong sáng và lành mạnh.**  - Giúp con người thấy ấm áp , tự tin , yêu cuộc sống hơn , biết tự hoàn thiện mình để sống tốt hơn . |
| Hoạt động 3: Luyện tập | 1. Bài tập.   Làm bài 1,2,4 sgk/ 17 |

**Lưu ý:**

Học sinh có câu hỏi thắc mắc khi thực hiện các nhiệm vụ học tập gởi cho GVCN để chuyển cho GVBM hỗ trợ HS theo mẫ sau:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| GDCD | Mục A: ….  Phần B: …. | 1.  2.  3. |

**KHỐI 9**

**Tuần 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **BÀI 1: Chí công vô tư** | |
| Hoạt động 1: đặt vấn đề | 1. **Đặt vấn đề**  * Hs tự tìm hiểu |
| Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung bài học | 1. **Nội dung bài học:**   Hs xử lí các tình huống trong sgk để rút ra khái niệm và ý nghĩa của chí công vô tư   1. **Chí công vô tư là gì?**  * Là phẩm chất đạo đức cần thiết của con người thể hiện ở sự công bằng, không thiên vị, không hám danh, hám lợi, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.  1. **Ý nghĩa:**  * Được mọi người tin yêu, kính trọng. * Làm cho xã hội giàu mạnh, công bằng, dân chủ. |
| Hoạt động 3: Luyện tập | 1. Bài tập   Hs làm bài tập 3,4 sgk/6 |

**Lưu ý:**

Học sinh có câu hỏi thắc mắc khi thực hiện các nhiệm vụ học tập gởi cho GVCN để chuyển cho GVBM hỗ trợ HS theo mẫ sau:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| GDCD | Mục A: ….  Phần B: …. | 1.  2.  3. |

**Tuần 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **CHỦ ĐỀ: NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ LÀM VIỆC CÓ NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ** | |
| Hoạt động 1: đặt vấn đề | 1. **Đặt vấn đề**   Hs tự tìm hiểu |
| Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung bài học | 1. Nội dung bài học   Hs xử lí tình huống để hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo   1. Năng động, sáng tạo là gì? |
|  |  |